

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGŨ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Hà Thị Mão

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 371/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 446/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Đức H; nơi cư trú: Đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị K, nơi cư trú cuối cùng: Đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng (đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2019/QĐDS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngũ Quyền, thành phố Hải Phòng); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ dân sự ly hôn ngày 21/5/2019, trong bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Đức H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2007 anh Lê Đức H và chị Trần Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 24/02/1997. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại địa chỉ số đường L, phường G, quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình kết hôn, anh chị chung sống bình thường đến năm 2014 thì nảy sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Mâu thuẫn càng tăng đến đầu năm 2015 chị K bỏ nhà đi. Anh H và gia đình đã tìm kiếm nhiều nơi, hỏi han bạn bè nhưng đều không biết chị K ở đâu. Vì vậy, anh H đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tuyên bố chị K mất tích. Ngày 25/4/2019 Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã có Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐDS-ST tuyên bố chị Trần Thị K mất tích. Do tình cảm vợ chồng không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị K.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh H và chị K có một con chung là Lê Đức M, sinh ngày 02/9/1997, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị K vắng mặt tại phiên tòa, đã bị tuyên bố mất tích theo Quyết định số 03/2019/QĐDS-ST ngày 25/4/2019 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị K đều không đến và không có tin tức gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Xét về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị K đã bị Tòa án tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng trên địa bàn quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là chị Trần Thị K đã bị Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền tuyên bố mất tích tại Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐDS-ST ngày

25/4/2019. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Điều kiện và quá trình kết hôn như anh H đã trình bày, hôn nhân giữa anh H và chị K là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống bình thường, hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, do mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn căng thẳng, đến đầu năm 2015 chị K bỏ nhà đi đâu không rõ; anh H và gia đình không liên lạc và không có tin tức gì của chị K. Anh H và gia đình đã tìm kiếm chị K nhiều nơi nhưng không có kết quả. Ngày 13/12/2018 anh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tuyên bố chị Trần Thị K mất tích. Tòa án quận Ngô Quyền đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 03/2019/QĐDS-ST ngày 25/4/2019 về việc tuyên bố chị Trần Thị K mất tích. Tòa án xét thấy, vì khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về việc nuôi con:

[4] Anh H và chị K có một con chung Lê Đức M, sinh ngày 02/9/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về việc chia tài sản:

[5] Anh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về án phí:

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lê Đức H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Đức H được ly hôn chị Trần Thị K.

2. Về việc nuôi con:

Anh Lê Đức H và chị Trần Thị K có một con chung là Lê Đức Hiếu, sinh ngày 02/9/1997 đã trưởng thành, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về việc chia tài sản:

Anh Lê Đức H không yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Anh Lê Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005816 ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Anh Lê Đức H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Gia Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 24/02/1997);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Phương